**TOÁN ( TIẾT 7)**

**Bài 3: SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-**Nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.

- Tính được hiệu khi biết số bị trừ, số trừ.

**2. Năng lực:**

- Phát triển 3 năng lực chung và năng lực đặc thù Toán học *(NL giải quyết vấn đề Toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ và phương tiện toán học*).

**-** Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**\* Giáo viên:** - Máy tính, bài giảng điện tử.

**\* Học sinh**: -VBT, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1 .HĐ mở đầu: (4- 5’)**  *\*MT: Ôn tập củng cố cho học sinh và từng bước làm quen bài học.*  *\*CTH:*  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh – Ai đúng.  - GV yêu cầu HS nêu tên gọi các thành phần của phép cộng mà mình vừa làm  - GV dẫn dắt vào bài mới.  **2. Hình thành kiến thức: (12- 13’)**  \**MT: Giúp HS biết thành phần tên gọi số bị trừ, số trừ, hiệu.*  *\*CTH:*  - GV đưa ra bức tranh phần khám phá, cho HS quan sát.  + Tranh vẽ gì?  + Lúc đầu có tất cả bao nhiêu con chim?  + Có mấy con chim bay đi?  + Lúc này trên cành còn lại mấy con chim?  - Nhìn tranh và nêu cho cô bài toán.  + Để biết được còn lại bao nhiêu con chim ta thực hiện phép tính gì? Nêu phép tính thích hợp.  - Nêu câu trả lời cho bài toán.  - Từ phép tính đã lập được, GV HDHS nhận biết số bị trừ, số trừ, hiệu.  *+ Từ phép trừ 12 – 2 = 10, GV cho HS biết đâu là số bị trừ, số trừ và hiệu (12 – 2 cũng gọi là hiệu).*  - GV yêu cầu đưa ra VD về phép trừ khác, HS vận dụng nêu được số bị trừ, số trừ, hiệu.  **3. Luyện tập – Thực hành: (14 -15’)**  \**MT: Giúp HS dựa vào thành phần tên gọi trong phép trừ vận dụng vào giải toán.*  *\*CTH:*  *Bài 1:*  - Gọi HS đọc YC bài.  **-** GV nêu BT1.  - GV HD HS nêu tên các thành phần trong phép trừ.  **-** GV cho HS báo cáo kết quả.  - GV nhận xét và chốt ý: *Các thành phần trong phép trừ gồm SBT, ST và Hiệu.*  - Nhận xét, tuyên dương.  *Bài 2:*  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV HD HS tính nhẩm để tìm ra hiệu khi biết SBT, ST, rồi nêu, viết hiệu vào ô có dấu “?”.  **-** GV cho HS nêu miệng kết quả.  **-** GV cho HS giải thích cách tìm ra số để điền vào dấu “?”.  - GV nhận xét và chốt ý: *Hiệu là kết quả của phép trừ.*  *Bài 3*  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  *Nếu HS không đặt tính rồi tính mà nhẩm ra được kết quả thì cũng được.*  - GV nhận xét, chốt nội dung*: Khi làm tính trừ theo cột dọc cần lưu ý: viết số thẳng cột, thực hiện tính từ phải sang trái.*  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  Bài 4: Nêu yêu cầu  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV cho HS nêu miệng phép tính và câu trả lời.  - GVHDHS viết vào vở bài 4.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  **4. Vận dụng trải nghiệm: (4 - 5’)**  *\*MT:**Giúp HS củng cố, khắc sâu ND bài.*  *\*CTH:*  - Hôm nay em học bài gì?  - Về nhà vận dụng bài học làm bài tập.  - Nhận xét giờ học. | - HS chơi  - HS nêu  - HS nghe  **-** HS trả lời.  - HS quan sát và nêu nội dung tranh.  *+ Tranh vẽ có một số con chim đang đậu trên cành cây và có hai con chim đang bay đi.*  *+ Lúc đầu có 12 con chim đậu trên cành.*  *+ Có 2 con chim bay đi.*  *+ Còn lại 10 con đậu trên cành.*  - HS nhìn tranh nêu bài toán: *Lúc đầu trên cành cây có 12 con chim. Có 2 con chim bay đi. Hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con chim?*  - HS nêu phép tính trừ: 12 – 2 = 10  *Còn lại 10 con chim.*    - HS vận dụng nêu được số bị trừ, số trừ, hiệu ở phép tính cụ thể.  - HS chia sẻ:  Bài tập 1: Số?  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS nêu.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số bị trừ | 86 | 47 | | Số trừ | 32 | 20 | | Hiệu | 54 | **27** |   - HS nghe  Bài tập 2:  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS thực hiện làm bài cá nhân.  - HS nghe   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị trừ | 57 | 68 | 90 | 73 | | Số trừ | 24 | 45 | 40 | 31 | | Hiệu | 33 | **23** | **50** | **42** |   Bài tập 3:  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS trả lời:  68  25  **43**  -  49  16  **33**  -  85  52  **53**  -  76  34  **42**  -    - HS nêu.  - HS chia sẻ.  - HS nghe  Bài tập 4:  + *Trong bến có 15 ô tô, có 3 xe rời bến.*  *+ Hỏi còn lại mấy ô tô trong bến.*  - HS nêu phép tính và câu trả lời.  - HS nhận xét, viết vào vở bài làm.  Chốt câu trả lời.  15 – 3 = 12  Bến xe còn lại 12 ô tô  - HS nghe.  - HS chia sẻ  - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *( nếu có).*

*..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*